

Bản án số: 31/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024.

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Tỏa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 300/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P.**

Địa chỉ: 25 Bis Nguyễn Ti, phường Bến N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

\* Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP P: Ông Võ Trần L, địa chỉ liên hệ: số 27-29 đường Mai T, khóm A, phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1964. (có mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh **Lê Mi L**, sinh năm 1991(vắng mặt)

2/ Chị **Nguyễn Tú Q**, sinh năm 1992(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngân hàng TMCP P, chi nhánh Sóc Trăng, phòng giao dịch N cùng với ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng 0038/20PGDNN/HĐTD, ngày 07/5/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0038/20PGDNN/HĐTD/KUNN02, ngày 10/5/2021. Theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thì phía ông T và bà Th có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền là 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 11/5/2021 đến ngày 10/5/2022. Lãi suất vay trong hạn: 11,5%/năm, lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm; Mục đích cho vay: Bỏ sung vốn chăn nuôi, bỏ sung vốn chăn nuôi bò (thanh toán tiền mua bò giống, Vitamin, rom cuộn). Để đảm bảo khoản vay thì ông T và bà Th có ký với Ngân hàng TMCP P Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0038/20PGDNN/HĐBĐ, ngày 07/5/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 1078, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.978,8m<sup>2</sup>, tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T ngày 14/11/2019. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T và bà Th đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Cụ thể đến ngày trả nợ như các bên thỏa thuận là ngày 10/5/2022 nhưng phía ông T và bà Th cũng không thực hiện và làm phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu ông T và bà Th trả nợ nhưng phía ông T và bà Th vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 29/3/2024 ông T và bà Th còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 139.870.396 đồng, trong đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.783.833 đồng, tiền lãi quá hạn 34.086.563 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP P yêu cầu buộc ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/3/2024 là 139.870.396 đồng, trong đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.783.833 đồng, tiền lãi quá hạn 34.086.563 đồng. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 30/03/2024 cho đến khi ông T và bà Th trả hết nợ với lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp phía ông T và bà Th không có khả năng trả nợ thì đề nghị phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

**\* Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn T trình bày:**

Ông thừa nhận vợ chồng ông có vay tiền của Ngân hàng TMCP P phòng giao dịch N, số tiền 100.000.000 đồng, mục đích vay để chăn nuôi, vay vào năm 2020 và sau đó đến năm 2021 thì đáo hạn. Để đảm bảo số tiền vay vợ chồng ông có thể chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa 1078, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.978,8m<sup>2</sup>, tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Từ vay đến nay vợ chồng ông chưa trả tiền vốn và tiền lãi cho Ngân hàng và hiện còn nợ số tiền như Ngân hàng yêu cầu. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông xin gia hạn thêm thời gian để ông trả tiền cho Ngân hàng. Trường hợp không thực hiện được ông xin giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để phát mãi.

*Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:*

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

*- Về tố tụng:*

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vay tín dụng còn nợ nên HĐXX xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đồng thời, các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Mi L và chị Nguyễn Tú Q. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

*- Về nội dung:*

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 29/3/2024 là 100.000.000 đồng. Nhận thấy, theo hợp đồng tín dụng 0038/20PGDNN/HĐTD, ngày 07/5/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 0038/20PGDNN/HĐTD/KUNN02, ngày 10/5/2021. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn chăn nuôi, bổ sung vốn chăn nuôi bò (thanh toán tiền mua bò giống, Vitamin, rom cuộn); Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 11/5/2021 đến ngày 10/5/2022; Tuy

nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể đến hạn thanh toán nợ gốc là ngày 10/5/2022 nhưng các bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn đã phát sinh nợ quá hạn. Xét thấy, việc các bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ các bên thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 6 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền nợ gốc tính đến ngày 29/3/2024 với tổng số tiền là 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trên tiền vốn gốc còn nợ tạm tính đến ngày 29/3/2024 với tổng số tiền là 39.870.396 đồng. Trong đó, tiền lãi trong hạn là 5.783.833 đồng, tiền lãi quá hạn 34.086.563 đồng, Nhận thấy, hợp đồng tín dụng 0038/20PGDNN/HĐTD, ngày 07/5/2020 và Đề nghị giải ngân kiêm kế ước nhận nợ số 0038/20PGDNN/HĐTD/KUNN02, ngày 10/5/2021 các bên thỏa thuận lãi suất vay 11,5%/năm; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Xét thấy, theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*” và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Do đó, tiền lãi theo phiếu chiết tính thu nợ vay ngày 29/3/2024 do nguyên đơn cung cấp được tính trên số tiền vốn gốc vay tín dụng là 100.000.000 đồng, cụ thể lãi suất được tính như sau: tổng số tiền lãi là 39.870.396 đồng. Trong đó, tiền lãi trong hạn là 5.783.833 đồng, tiền lãi quá hạn 34.086.563 đồng là phù hợp nên HĐXX chấp nhận và buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp, nhận thấy: nguyên đơn với các bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0038/20PGDNN/HĐBĐ, ngày 07/5/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 1078, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.978,8m<sup>2</sup>, tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T ngày 14/11/2019. Đồng thời, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng số tiền là 550.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước để làm

thủ tục tố tụng, do đó buộc các bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 550.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do các bị đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí) nên HĐXX xem xét và miễn án phí cho các bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

[8] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là có căn cứ và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 299, khoản 1, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 167 Luật đất đai; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P.

Buộc các bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/3/2024 là 139.870.396 đồng (*một trăm ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi ngàn ba trăm chín mươi sáu đồng*), trong đó tiền vốn gốc vay tín dụng là 100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 5.783.833 đồng, tiền lãi quá hạn 34.086.563 đồng.

Kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP P, thì hàng tháng ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0038/20PGDNN/HĐTD, ngày 07/5/2020, Đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 0038/20PGDNN/HĐTD/KUNN02, ngày 10/5/2021.

Trường hợp ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm xử lý các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0038/20PGDNN/HĐBĐ ngày 07/3/2020 tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 1078, tờ bản đồ số 6, diện

tích 5.978,8m<sup>2</sup>, tọa lạc: ấp Vĩnh Đ, xã Vĩnh Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/11/2019 cho ông Lê Văn T.

2/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp tổng cộng 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*) buộc các bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th phải chịu. Tuy nhiên, do nguyên đơn Ngân hàng TMCP P đã nộp tạm ứng thanh toán trước để làm thủ tục tố tụng. Do đó, buộc các bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P số tiền 550.000 đồng (*năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th được miễn, không phải chịu
- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.136.000 đồng (*ba triệu một trăm ba mươi sáu ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011085 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Phước Toàn**